

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2026/DS-PT

Ngày 04 - 02 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 01 và ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 619/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 811/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1982; cư trú ấp H, xã C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1989; cư trú số D, đường L, phường T, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2024, có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lữ Phước T1, sinh năm 1976; cư trú ấp P, phường S, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lữ Phước T1: Ông Lê Văn S, sinh năm 1956; cư trú số D, đường N, phường T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bà Lê Kiều X, sinh năm 1982; cư trú ấp P, phường S, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Kiều X: Ông Lê Văn S, sinh năm 1956; cư trú số D, đường N, phường T, tỉnh Đồng Tháp, theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2025 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2024 của nguyên đơn ông Trần Văn T và các lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Trần Văn T là người buôn bán heo thịt (heo nguyên con). Vợ chồng ông Lữ Phước T1 và bà Lê Kiều X là bạn hàng lấy heo của ông T đem về giết mổ rồi bán lẻ. Từ năm 2022 đến năm 2023, mỗi lần mua heo ông T1 và bà X điện thoại rồi ông T giao hàng, tiền trả sau. Ông T1, bà X trả tiền theo dạng gói đầu, có khi chỉ trả một phần, đến đợt hàng tiếp theo sẽ trả tiếp. Tính đến tháng 8/2023, ông T1 và bà X nợ ông T tổng cộng 244.003.000 đồng. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T1, bà X trả số tiền trên nhưng ông T1, bà X không chịu thanh toán.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông T1, bà X phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền mua heo còn nợ là 244.003.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,833%/tháng, tính từ ngày 10/4/2024 đến ngày 18/9/2025, làm tròn 17 tháng với số tiền 34.553.264 đồng (244.003.000 đồng x 0,833 % x 17 tháng). Tổng cộng vốn và lãi bằng 278.556.264 đồng.

** Bị đơn ông Lữ Phước T1 trình bày:*

Ông thừa nhận có cùng vợ là bà Lê Kiều X mua heo thịt của ông Trần Văn T vào khoảng năm 2022 - 2023 để đem về giết mổ rồi bán lẻ. Việc mua heo của ông T ông thừa nhận có nợ nhưng đã trả xong, cụ thể đến ngày 06/12/2023 ông T chốt lại tiền mua heo ông còn nợ số tiền 244.003.000 đồng, sau đó ông đã trả cho ông T bằng 02 lần: Lần 1 trả cho em ruột ông T nhận thay số tiền 70.000.000 đồng, lần 2 ông trả trực tiếp cho ông T hết số tiền còn lại. Vì vậy ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Bị đơn bà Lê Kiều X có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên không có lời khai.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu ông Lữ Phước T1 và bà Lê Kiều X liên đới trả số tiền nợ mua bán thịt heo là 278.556.264 đồng (trong đó tiền vốn là 244.003.000 đồng, tiền lãi là 34.553.264 đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2025 nguyên đơn ông Trần Văn T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện hợp pháp của bà Lê Kiều X và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lữ Phước T1 trình bày: Ông T và ông T1 có giao dịch mua bán heo hơi, ông T1 thừa nhận khi chốt nợ có nợ ông T số tiền 244.003.000 đồng, nhưng sau đó ông T1 đã trả đủ tiền cho ông T bằng 02 lần như ông T1 đã khai, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Qua phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên cho rằng với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa có căn cứ xác định các bên xác lập giao dịch mua bán heo hơi bằng lời nói, không lập thành văn bản. Bị đơn thừa nhận đến tháng 8/2023 có nợ nguyên đơn số tiền 244.003.000 đồng nhưng cho rằng đã trả xong, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 244.003.000 đồng cũng không có chứng cứ chứng minh, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lữ Phước T1 và bà Lê Kiều X liên đới cùng trả cho ông tiền mua heo còn nợ tổng cộng vốn lãi bằng 278.556.264 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật đúng bản chất vụ án, đưa người tham gia tố tụng đầy đủ. Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T được nộp trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2022-2023 hai bên có thỏa thuận mua bán heo thịt (loại nguyên con), trong đó ông T là bên bán, vợ chồng ông T1, bà X là bên mua. Khi cần mua heo thì ông T1 điện thoại rồi ông T giao, tiền trả gộp đầu. Thời gian đầu hai bên thực hiện đúng như thỏa thuận. Tuy nhiên đến tháng 8 năm 2023 do phía ông T1 thanh toán tiền không đúng như cam kết, nên ông T chốt nợ và thông báo cho ông T1, bà X biết số tiền mua heo còn nợ tổng cộng là 244.003.000 đồng. Ông T1 thừa nhận đến tháng 8/2023 ông còn nợ ông T số tiền 244.003.000 đồng như ông T thông báo, nhưng ông cho rằng đã trả tiền cho ông T bằng 02 lần: Lần 1 trả cho em ruột ông T nhận thay ông T số tiền 70.000.000 đồng, lần 2 ông trả trực tiếp cho ông T hết số tiền còn lại.

[3] Như vậy, ông T1 đã thừa nhận có nợ ông T số tiền mua heo 244.003.000 đồng, nên ông T không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những*

tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

[4] Ông T1 cho rằng đã trả tiền xong cho ông T, nhưng ông T không thừa nhận thì nghĩa vụ chứng minh có trả tiền thuộc về ông T1. Ông T1 chứng minh đã trả tiền cho ông T 70.000.000 đồng thông qua người em của ông T, nhưng ông T1 không chỉ ra được người ông giao tiền tên gì, ở đâu; số tiền còn lại ông T1 trình bày đã trả trực tiếp cho ông T nhưng ông T cũng không thừa nhận, ông T1 không có chứng cứ nào khác chứng minh đã trả cho ông T số tiền 244.003.000 đồng. Như vậy ông T1 phải gánh chịu hậu quả không chứng minh được đã trả tiền cho ông T1.

[5] Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Ông T1 cũng thừa nhận tính đến cuối tháng 8/2023, vợ chồng ông T1, bà X còn nợ ông T số tiền như khởi kiện của ông T, nhưng sau đó vợ chồng ông T1 đã trả xong tiền nợ cho ông T và việc trả tiền này cũng không có làm biên nhận hay giấy tờ gì”... “ông T cho rằng ông T1, bà X chưa thanh toán số tiền chốt lại cho ông, nhưng lại không có chứng cứ chứng minh việc ông T1, bà X chưa thanh toán số tiền này. Phía ông T1, bà X cho rằng đã trả xong số tiền chốt lại cho ông T, nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh việc đã trả xong tiền chốt lại cho ông T”. Từ nhận định này Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là xác định nghĩa vụ chứng minh không đúng. Vì vậy kháng cáo của ông T có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả tiền: Ông T yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày ông yêu cầu ông T1 trả nợ (ngày 10/4/2024) đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn 17 tháng theo mức lãi suất 10%/năm (244.003.000 đồng x 0,833%/tháng x 17 tháng = 34.553.264 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đòi ông Lữ Phước T1 và bà Lê Kiều X phải trả tiền mua heo còn nợ 244.003.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là có căn cứ, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T không phù hợp với nhận định của Tòa án nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Buộc ông Lữ Phước T1 và bà Lê Kiều X liên đới trả cho ông Trần Văn T tiền mua heo còn nợ tổng cộng bằng 278.556.264 đồng (trong đó tiền vốn là 244.003.000 đồng, tiền lãi là 34.553.264 đồng).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lữ Phước T1 và bà Lê Kiều X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 13.927.813 đồng (278.556.264đ x 5%).

+ Ông Trần Văn T không phải chịu, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng đã nộp 6.161.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000670 ngày 02/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án Khu vực 5 - Vĩnh Long).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T không phải chịu. Hoàn trả cho ông T 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004262 ngày 06/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Vĩnh Long.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Lực